

Số: 722 /QĐ-HV

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Ban hành mức thu học lại, thi lại và các mức thu đào tạo khác
năm học 2017-2018

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính Phủ về việc quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm 2020-2021;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-BTTTT ngày 25/5/2016 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Biên bản họp ngày 28/7/2017 về xây dựng mức thu học phí hệ ĐH VLVH, Văn bằng 2, thu học lại, thi lại và thu khác từ năm học 2017-2018 cho các hệ/trình độ đào tạo của Học viện;

Xét đề nghị của Tổ công tác xây dựng mức thu học phí (thành lập theo Quyết định số 309/QĐ-HV ngày 25/4/2017),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu học lại, thi lại và các mức thu đào tạo khác từ năm học 2017-2018 cho các khóa/các hệ trình độ đào tạo của Học viện. (Chi tiết tại các phụ lục- đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ năm học 2017-2018.

Điều 3. Phó giám đốc Học viện, phụ trách Cơ sở Học viện tại thành phố Hồ Chí Minh; Trưởng các phòng: Tài chính Kế toán, Đào tạo; Quản lý KHCN&HTQT, Giáo vụ, Chính trị và CTSV, Trung tâm KT&ĐBCLGD, Kế hoạch-Đầu tư và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. ✕

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Giám đốc HV;
- Trang tin nội bộ; Website HV;
- Lưu VT, TCKT.



MỨC THU CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2017 – 2018
CỦA: ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 722/QĐ-HV ngày 16 / 8 /2017)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU	Ghi chú
1	Nghiên cứu sinh gia hạn	1.000đ/năm	27.000	
2	Hồ sơ tuyển sinh	1.000đ/hồ sơ	60	
3	Phí đăng ký dự thi	1.000đ/Thí sinh/ hồ sơ	60	
4	Dự tuyển	1.000đ/Thí sinh	200	
5	Kinh phí tổ chức báo cáo định hướng nghiên cứu	1.000đ/Thí sinh	3.000	
6	Vò bằng Tiến sỹ	1.000 đồng/SV/vò bằng	200	
7	Nhập học NCS	1.000 đồng/học viên	500	
8	Lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính	1.000đ/bản	3	
9	Lệ phí cấp bản sao văn bằng chứng chỉ từ bản gốc	1.000đ/bản	150	
10	Học bổ sung kiến thức NCS	1.000đ/tín chỉ	mức thu bằng mức thu học phí của lớp mà Nghiên cứu sinh được xếp học cùng	
11	Cấp các loại giấy xác nhận	1.000đ/bản	20	
12	Tổ chức lễ tốt nghiệp	1.000 đồng/học viên	150	



MỨC THU CÁC KHOẢN THU KHÁC NĂM HỌC 2017 - 2018
CỦA: ĐÀO TẠO THẠC SỸ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 722 /QĐ-HV ngày 16 / 8 /2017)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU	Ghi chú
1	Thi lại hết môn	1.000đ/học viên/môn	80	
2	Học lại	1.000đ/học viên/tín chỉ	theo mức thu học phí của lớp mà học viên được xếp học cùng	
3	Nhập học	1.000đ/học viên	300	
4	Bảo vệ lại luận văn tốt nghiệp cao học	1.000đ/học viên	3.300	
5	Tuyển sinh Cao học			
	+ Hồ sơ	1.000đ/hồ sơ	60	
	+ Phí Đăng ký dự thi	1.000đ/hồ sơ	60	
	+ Phí dự thi	1.000đ/sv/môn	120	
	+ Ôn thi Sau đại học	1.000đ/sv/môn	630	
	+ Học bổ sung kiến thức SDH	1.000đ/sv/môn	630	
6	Xét tuyển theo Đề án 599	1.000đ/hồ sơ	200	
7	Cấp bảng điểm theo yêu cầu	1.000đ/ bản	20	
8	Cấp bảng điểm toàn khóa bằng Tiếng Anh	1.000đ/ bản	50	
9	Phúc khảo điểm thi hết môn	1.000đ/sv/môn	30	
10	Cấp lại thẻ học viên			
	+ Thẻ tạm thời	1.000đ/ thẻ	30	
	+ Thẻ Plastic	1.000đ/ thẻ	50	
11	Thi môn Tiếng Anh đối với sinh viên miễn học nhưng không miễn thi	1.000đ/sinh viên	320	
12	Vỏ bằng Sau đại học	1.000 đồng/SV/vỏ bằng	200	
13	Phúc khảo điểm thi đầu vào	1.000đ/sv/môn	100	

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU	Ghi chú
14	Lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính	1.000đ/bản	3	
15	Lệ phí cấp bản sao văn bằng chứng chỉ từ bản gốc	1.000đ/bản	120	
16	Kinh phí đào tạo đối với Học sinh Lào, diện tự túc kinh phí	1.000đ/học viên/kỳ	36.375	
17	Học lại đối với Học sinh Lào	1.000đ/học viên/tín chỉ	Mức thu bằng 50% mức thu học lại của ngành đào tạo tương ứng	
18	Tổ chức lễ tốt nghiệp	1.000đ/học viên	150	
19	Cấp các loại giấy xác nhận	1.000đ/bản	20	

4

MỨC THU KHÁC NĂM HỌC 2017 – 2018
CỦA: ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUI; CAO ĐẲNG CHÍNH QUI;
LIÊN THÔNG CĐ-ĐH CHÍNH QUI; VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 722/QĐ-HV ngày 16 / 8 /2017)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU	Ghi chú
1	Học lại, học cải thiện điểm (học ghép cùng với các lớp khác hoặc tổ chức lớp riêng với số lượng trên 30 sinh viên/lớp)			
1.1	<i>Các lớp học theo chương trình đào tạo niên chế từ khóa 2011 trở về trước học ghép với các lớp tín chỉ</i>	1.000đ/SV/đvht	300	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp lớp học tổ chức riêng nhưng số sinh viên/lớp không đạt 30 SV/lớp thì mức thu được điều chỉnh như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Bảng 1,1 lần mức thu lớp ghép nếu lớp học có từ 20 đến 30 SV/lớp; - Bảng 1,3 lần mức thu lớp ghép nếu lớp học có từ 10 đến 20 SV/lớp; - Bảng 1,5 lần mức thu lớp ghép nếu lớp học có ít hơn 10 SV/lớp; - Trường hợp sinh viên học cùng với các khóa khác: mức thu học lại theo mức thu học phí của khóa/ngành mà sinh viên được xếp học cùng.
1.2	<i>Các lớp đào tạo theo hệ thống tín chỉ</i>			
a	<i>Đối với các khóa tuyển sinh 2016 trở về trước</i>			
-	Hệ Đại học, Liên thông CĐ- ĐH chính qui	1.000đ/SV/tín chỉ	395	
-	Hệ Cao đẳng chính qui	1.000đ/SV/tín chỉ	270	
-	Các lớp đào tạo theo chương trình Chất lượng cao	1.000đ/SV/tín chỉ	630	
-	Các sinh viên lớp CLC học cùng với lớp thường	1.000đ/SV/tín chỉ	395	
b	<i>Đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2017</i>			
-	Hệ Đại học, Liên thông CĐ- ĐH chính qui			
	+ Ngành Kỹ thuật	1.000đ/SV/tín chỉ	430	
	+ Ngành Kinh tế	1.000đ/SV/tín chỉ	410	

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU	Ghi chú
-	Hệ Cao đẳng chính quy	1.000đ/SV/tín chỉ	300	
-	Các lớp đào tạo theo chương trình Chất lượng cao	1.000đ/SV/tín chỉ	710	
-	Các sinh viên lớp CLC học cùng với lớp thường			
	+ Ngành kỹ thuật	1.000đ/SV/tín chỉ	430	
	+ Ngành kinh tế	1.000đ/SV/tín chỉ	410	
2	Thi lại hết môn			
	+ ĐH, CĐ, Liên thông CĐ-ĐH Chính quy	1.000đ/SV/môn	50	
3	Thi lại tốt nghiệp			
	+ ĐH, CĐ, Liên thông CĐ-ĐH Chính quy	1.000đ/SV/môn	220	
4	Cấp lại thẻ thư viện	1.000đ/thẻ	30	
5	Cấp lại thẻ sinh viên			
	-Thẻ tạm thời	1.000đ/thẻ	30	
	-Thẻ Plastic	1.000đ/thẻ	50	
6	Cấp lại bảng điểm theo yêu cầu của SV	1.000đ/bản	20	
7	Cấp bảng điểm toàn khóa bằng Tiếng Anh	1.000đ/bản	50	
8	Phúc khảo điểm thi hết môn	1.000đ/sv/môn	30	
9	Phúc khảo điểm thi tốt nghiệp	1.000đ/sv/môn	50	
10	Kinh phí đào tạo đối với Học sinh Lào, diện tự túc kinh phí	1.000đ/sv/kỳ	33.850	
11	Nhập học	1.000đ/sinh viên	300	
12	Tuyển sinh			
	+ Phí dự tuyển Hệ ĐH, CĐ chính quy, Liên thông CĐ-ĐH CQ	1.000đ/thí sinh	Theo quy định của Nhà nước tại các kỳ thi quốc gia	
13	Học bổ sung kiến thức tuyển sinh Liên thông Cao đẳng- Đại học chính qui			

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU	Ghi chú
	+ Đối với SV thi tuyển sinh cùng các khóa Đại học, CĐ CQ	1.000đ/sv/tín chỉ	theo mức thu học phí của khóa/ngành mà sinh viên được xếp học cùng	
14	Vỏ bằng	1.000đ/SV/vỏ bằng	150	
15	Lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính	1.000đ/bản	3	
16	Lệ phí cấp bản sao văn bằng chứng chỉ từ bản gốc	1.000đ/bản	80	
17	Thi môn Tiếng Anh theo chuẩn đầu vào và đầu ra	1.0000đ/sinh viên	200	
18	Thi môn Tiếng Anh đối với sinh viên miễn học nhưng không miễn thi	1.0000đ/sinh viên	200	
19	Thi môn học khác sinh viên được miễn học không miễn thi	1.0000đ/sinh viên	50	
20	Học lại đối với Học sinh Lào	1.000đ/SV/tín chỉ	mức thu bằng 50% mức thu học lại của ngành đào tạo tương ứng	
21	Cấp các loại giấy xác nhận	1.000đ/bản	20	

ct

**MỨC THU KHÁC NĂM HỌC 2017-2018
CỦA HỆ CAO ĐẲNG NGHỀ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 722/QĐ-HV ngày 16 / 8 /2017)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU	Ghi chú
1	Học lại, học cải thiện điểm (học ghép cùng với các lớp khác hoặc tổ chức lớp riêng với số lượng trên 30 sinh viên/lớp)			
	Các lớp Cao đẳng nghề	1.000đ/SV/giờ	20	- Trường hợp lớp học tổ chức riêng nhưng số sinh viên/lớp không đạt 30 SV/lớp thì mức thu được điều chỉnh như sau: - Bằng 1,1 lần mức thu lớp ghép nếu lớp học có từ 20- đến 30 SV/lớp; - Bằng 1,3 lần mức thu lớp ghép nếu lớp học có từ 10- đến 20 SV/lớp; - Bằng 1,5 lần mức thu lớp ghép nếu lớp học có ít hơn 10 SV/lớp;
2	Thi lại hết môn	1.000đ/SV/môn	60	
3	Thi lại tốt nghiệp	1.000đ/SV/môn	240	
4	Cấp lại thẻ thư viện	1.000đ/thẻ	30	
5	Cấp lại thẻ sinh viên			
	-Thẻ tạm thời	1.000đ/thẻ	30	
	-Thẻ Plastic	1.000đ/thẻ	50	
6	Cấp lại bảng điểm theo yêu cầu của SV	1.000đ/bản	20	
7	Cấp bảng điểm toàn khóa bằng Tiếng Anh		50	
8	Phúc khảo điểm thi hết môn	1.000đ/sv/môn	30	
9	Phúc khảo điểm thi tốt nghiệp	1.000đ/sv/môn	50	
10	Nhập học	1.000đ/sinh viên	300	
11	Tuyển sinh			

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU	Ghi chú
	- Hồ sơ tham gia dự thi tuyển sinh	1.000đ/hồ sơ	60	
	- Phí xét tuyển	1.000đ/ hồ sơ	30	
12	Vỏ bằng	1.000đ/SV/vỏ bằng	150	
13	Lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính	1.000đ/bản	3	
14	Lệ phí cấp bản sao văn bằng chứng chỉ từ bản gốc	1.000đ/bản	80	
15	Cấp các loại giấy xác nhận	1.000đ/bản	20	

6

H
O
N
S
E
M

MỨC THU KHÁC NĂM HỌC 2017-2018
CỦA: ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TỪ XA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 722/QĐ-HV ngày 16/8/2017)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU	Ghi chú
1	Học lại			
	- Đại học từ xa, Liên thông Đại học từ xa	1.000đ/sv/tín chi	theo mức thu học phí của khóa/ngành mà sinh viên được xếp học cùng	
	- Riêng kỳ tốt nghiệp	1.000đ/sv/tín chi		
2	Thi lại hết môn			
	- Các lớp học tại học viện	1.000đ/SV/môn	50	
	- Các lớp học tại các điểm ngoài Học viện	1.000đ/SV/môn	60	
3	Thi lại tốt nghiệp			
	- Đại học từ xa, Hoàn chỉnh kiến thức từ xa			
	+ Các lớp học tại Học viện	1.000đ/SV/môn	220	
	+ Các lớp học tại ngoài Học viện	1.000đ/SV/môn	240	
4	Cấp lại thẻ thư viện	1.000đ/thẻ	30	
5	Cấp lại thẻ sinh viên			
	- Thẻ tạm thời	1.000đ/thẻ	30	
	- Thẻ Plastic	1.000đ/thẻ	50	
6	Cấp lại bảng điểm theo yêu cầu của SV	1.000đ/bản	20	
7	Cấp bảng điểm toàn khóa bằng Tiếng Anh	1.000đ/bản	50	
8	Phúc khảo điểm thi hết môn	1.000đ/môn	30	
9	Phúc khảo điểm thi tốt nghiệp	1.000đ/môn	50	
10	Thi cải thiện điểm	1.000đ/SV/môn	80	
11	Tuyển sinh			
	- Hồ sơ ĐH từ xa	1.000đ/hồ sơ	60	
	- Xét tuyển ĐH từ xa	1.000đ/hồ sơ	30	
12	Nhập học từ xa	1.000đ/sinh viên	300	
13	Vỏ bằng	1.000đ/SV/vỏ bằng	150	

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU	Ghi chú
14	Lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính	1.000đ/bản	3	
15	Lệ phí cấp bản sao văn bằng chứng chỉ từ bản gốc	1.000đ/bản	80	
16	Cấp các loại giấy xác nhận	1.000đ/bản	20	

et

V
V
M
H
H
E

MỨC THU KHÁC NĂM HỌC 2017-2018
CỦA: HỆ ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 722/QĐ-HV ngày 16/8/2017)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU	Ghi chú
1	Học lại			
-	Đại học tại chức, Liên thông CĐ-ĐH tại chức khóa 2016 trở về trước			
	+ Các lớp học tại Học viện	1.000đ/SV/đvht	160	- Trường hợp lớp học tổ chức riêng nhưng số sinh viên/lớp không đạt 30 SV/lớp thì mức thu được điều chỉnh như sau: - Bảng 1,1 lần mức thu lớp ghép nếu lớp học có từ 20-đến 30 SV/lớp; - Bảng 1,3 lần mức thu lớp ghép nếu lớp học có từ 10-đến 20 SV/lớp; - Bảng 1,5 lần mức thu lớp ghép nếu lớp học có ít hơn 10 SV/lớp;
	+ Các lớp học tại địa điểm ngoài HV	1.000đ/SV/đvht	170	
-	Liên thông Trung cấp- Cao đẳng CQ	1.000đ/SV/đvht	160	
-	Cao đẳng tại chức	1.000đ/SV/đvht	130	
-	Đại học tại chức, Liên thông CĐ-ĐH tại chức khóa 2017	1.000đ/tín chi		
	+ Ngành kỹ thuật	1.000đ/tín chi	430	
	+ Ngành kinh tế	1.000đ/tín chi	410	
2	Thi lại hết môn			
-	Đại học tại chức; Đại học bằng 2 TC; Liên thông CĐ-ĐH tại chức			
	+ Các lớp học tại Học viện	1.000đ/SV/môn	70	
	+ Các lớp học tại địa điểm ngoài HV	1.000đ/SV/môn	80	
-	Liên thông Trung cấp- Cao đẳng CQ	1.000đ/SV/môn	80	
-	Cao đẳng tại chức	1.000đ/SV/môn	60	
3	Thi lại tốt nghiệp			

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU	Ghi chú
	- Đại học, Cao đẳng, Liên thông CĐ-ĐH tại chức, Bằng 2, Đại học từ xa, Hoàn chỉnh kiến thức từ xa			
	+ Các lớp học tại Học viện	1.000đ/SV/môn	220	
	+ Các lớp học tại ngoài Học viện	1.000đ/SV/môn	240	
4	Cấp lại thẻ thư viện	1.000đ/thẻ	30	
5	Cấp lại thẻ sinh viên			
	-Thẻ tạm thời	1.000đ/thẻ	30	
	-Thẻ Plastic	1.000đ/thẻ	50	
6	Cấp lại bảng điểm theo yêu cầu của SV	1.000đ/bản	20	
7	Cấp bảng điểm toàn khóa bằng Tiếng Anh	1.000đ/bản	50	
8	Phúc khảo điểm thi hết môn	1.000đ/môn	30	
9	Phúc khảo điểm thi tốt nghiệp	1.000đ/môn	50	
10	Tuyển sinh			
	- Hồ sơ tham gia dự thi tuyển sinh	1.000đ/hồ sơ	60	
	- Phí xét tuyển	1.000đ/hồ sơ	30	
11	Ôn thi	1.000đ/môn	500	
12	Học bổ sung kiến thức	1.000đ/môn	300	
13	Nhập học	1.000đ/sinh viên	300	
14	Vỏ bằng	1.000đ/SV/vỏ bằng	150	
15	Lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính	1.000đ/bản	3	
16	Lệ phí cấp bản sao văn bằng chứng chỉ từ bản gốc	1.000đ/bản	80	
17	Cấp các loại giấy xác nhận	1.000đ/bản	20	

MỨC THU KÝ TÚC XÁ NĂM HỌC 2017-2018*(Ban hành kèm theo Quyết định số 7 / 2017-QĐ-HV ngày 16 / 8 /2017)*

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU	Ghi chú
1	Ký túc xá B1			
-	Phòng Loại 1: Ngoài các tiện nghi cơ bản như loại 2 phòng được phục vụ 1 ngày/lần: dọn dẹp, VS...	1.000đ/ngày/học viên	100	
-	Phòng Loại 2: Ngoài các tiện nghi cơ bản như loại 3 phòng được phục vụ	1.000đ/ngày/học viên	60	
-	Phòng Loại 3: Ngoài các thiết bị cơ bản như loại 4 phòng được trang bị thêm phòng điều hòa, TV, Internet, nhà tắm, khu VS khép kín	1.000đ/ngày/học viên	50	
-	Phòng Loại 4: Phòng được trang thiết bị cơ bản: giường, chiếu, quạt	1.000đ/ngày/học viên	30	
2	Ký túc xá 5C	1.000đ/phòng/ngày	360	Đối với các loại hình hoạt động dịch vụ KTX khác tại đơn vị tùy theo yêu cầu của người học đơn vị thu tối đa bằng 2 lần mức thu của HV đảm bảo cân đối thu-chi có tích lũy
3	Các khu ký túc xá khác (B2, B5. KTX tại quận 9)			
	Phòng Loại 1: Ngoài các tiện nghi như loại 2 trong phòng được trang bị thêm tivi, truyền hình cáp,internet.	1.000đ/sv/tháng	330	<i>Mức thu được áp dụng theo tháng. Trường hợp sinh viên ở số ngày < 30 ngày thì sinh viên nộp tiền trọn tháng.</i>
	Phòng Loại 2: Ngoài các tiện nghi cơ bản như loại 3 trong phòng được trang bị thêm nhà tắm và nhà VS khép kín	1.000đ/sv/tháng	170	
	Phòng Loại 3: Phòng được trang bị các tiện nghi cơ bản: giường, chiếu, quạt	1.000đ/sv/tháng	120	

DANH MỤC CÁC LOẠI GIẤY XÁC NHẬN (THU TIỀN KHI CẤP)*(Ban hành kèm theo Quyết định số 722 /QĐ-HV ngày 16 / 8 /2017)*

Mức thu: 20.000 đồng/bản

STT	NỘI DUNG	Ghi chú (đối tượng áp dụng)
1	Giấy chứng nhận đã tốt nghiệp/Giấy xác nhận đã cấp bằng tốt nghiệp	cấp lại cho cựu sinh viên, học viên làm mất/thất lạc giấy chứng nhận tốt nghiệp/bằng tốt nghiệp
2	Giấy xác nhận kết quả trúng tuyển, điểm trúng tuyển	thí sinh hiện không còn học tập tại Học viện
3	Giấy xác nhận đã cấp kết quả học tập	cựu học viên của Học viện